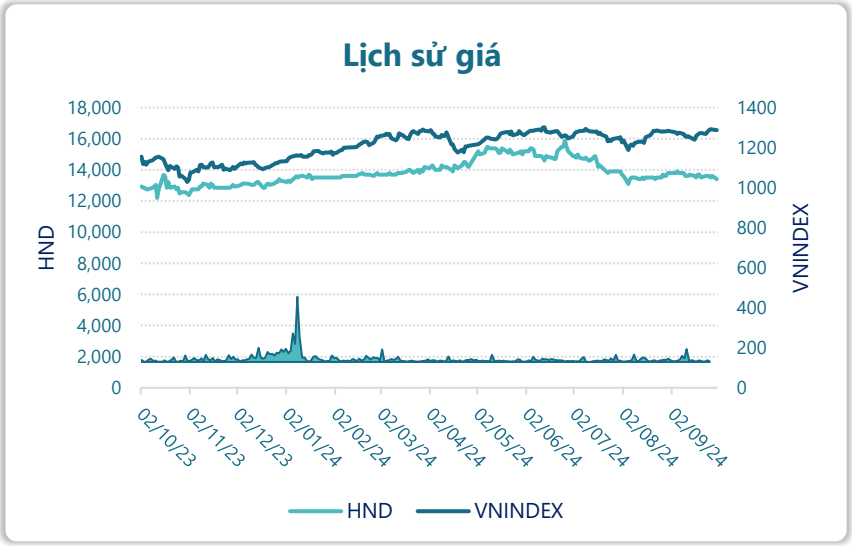
CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (UPCOM: HND)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,882
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,193
SL cổ phiếu LH	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,690
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,750
P/E	22.0
EPS	613

DT thuần

Q3/24

2,365

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,087| -31.5%

YoY: ▼519| -18.0%

LN sau thuế

Q3/24

-9.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼285| -103%

YoY: ▼201| -105%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

-0.3%

+/- YoY: ▼ 7.7%

DT thuần

9T 2024

8,605

tỷ VNĐ

YoY: ▼217| -2.5%

LN sau thuế

9T 2024

422

tỷ VNĐ

YoY: ▼111| -20.8%

ROE

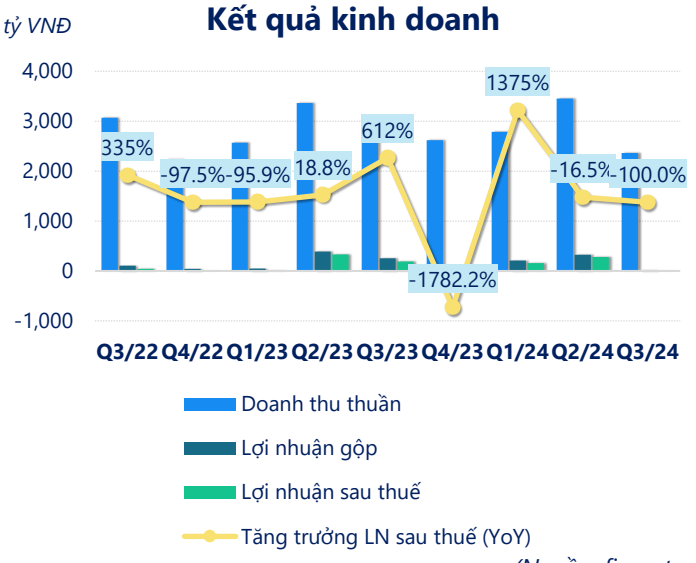
Q3/24

4.9%

+/- YoY: ▼ 3.4%

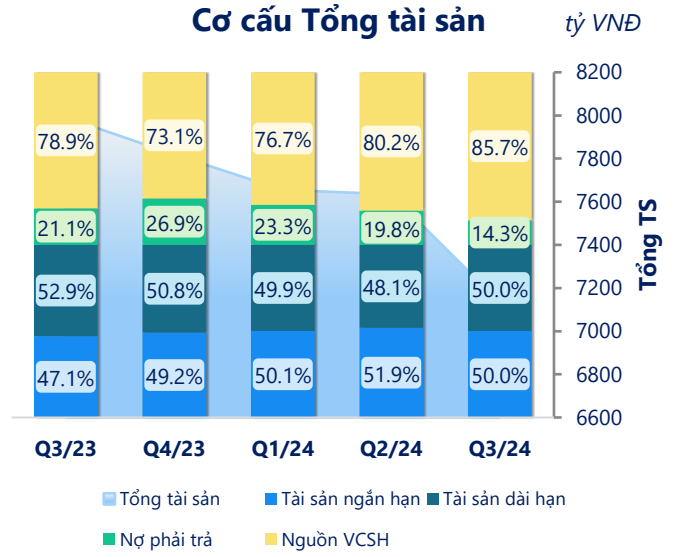
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



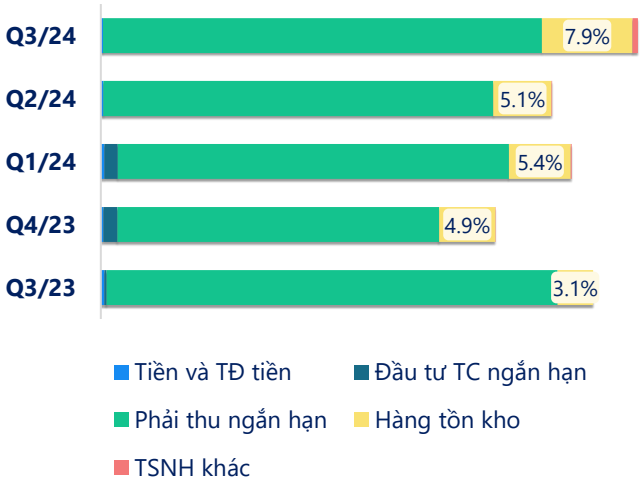
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



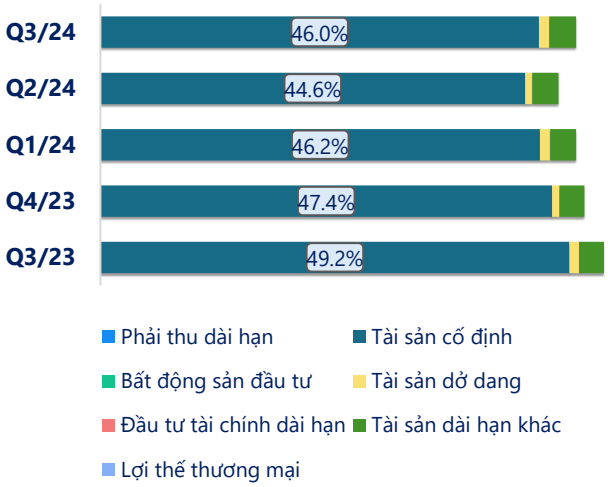
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



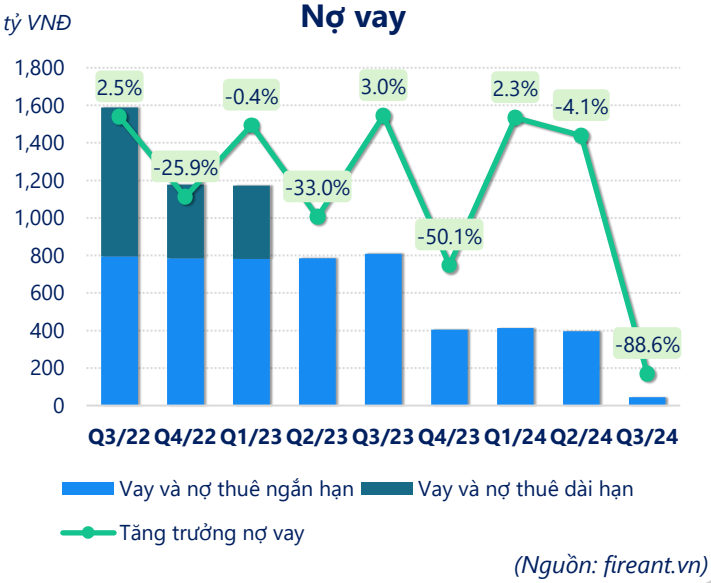
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



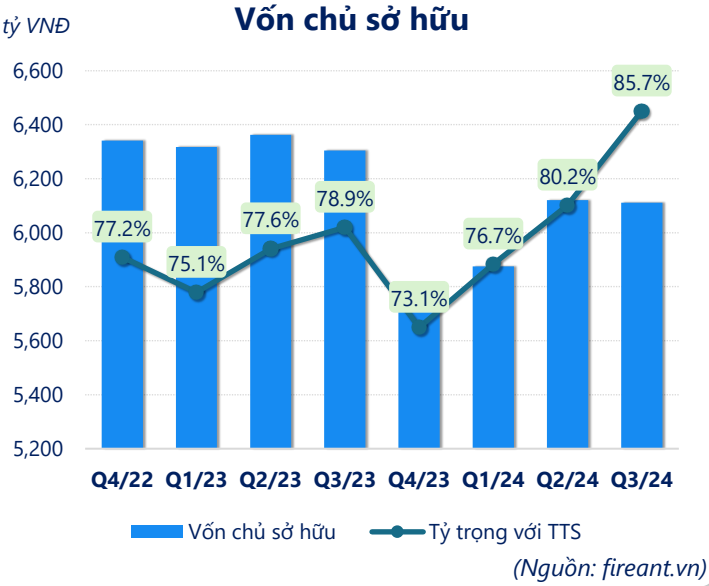
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



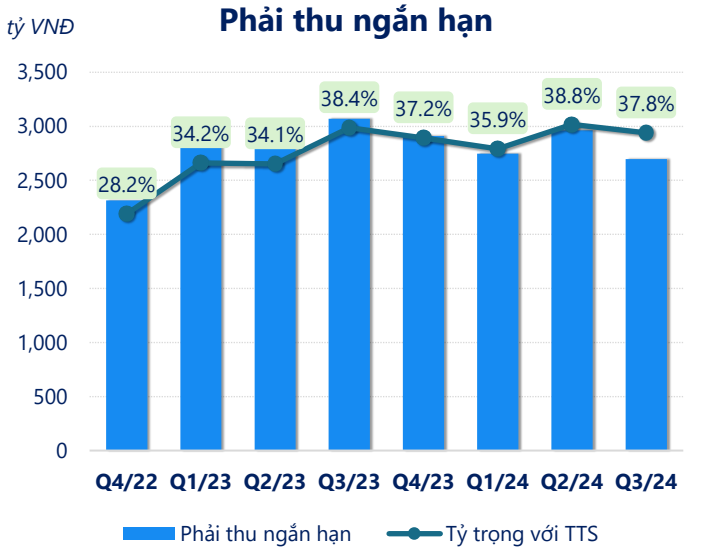
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



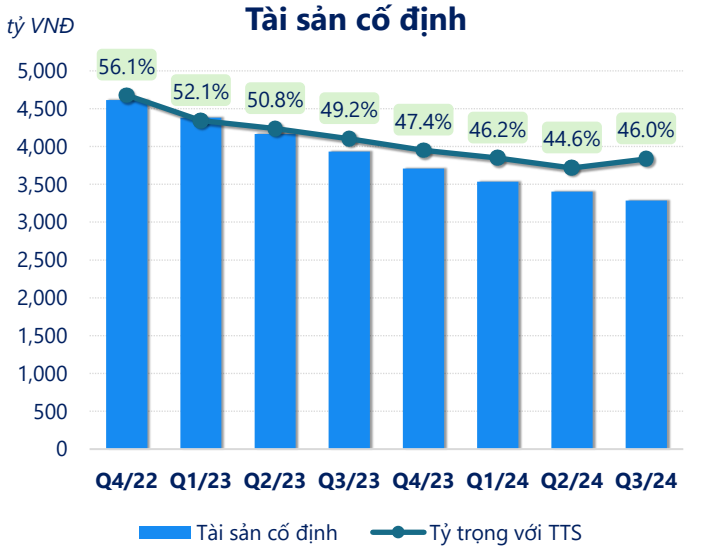
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



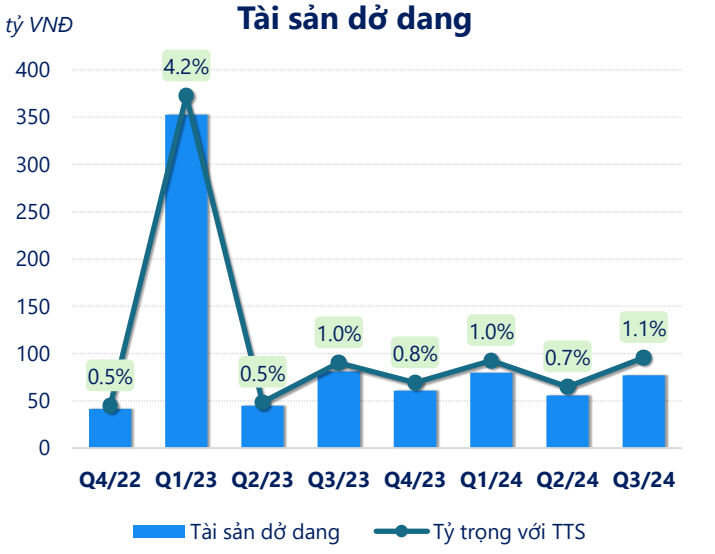
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



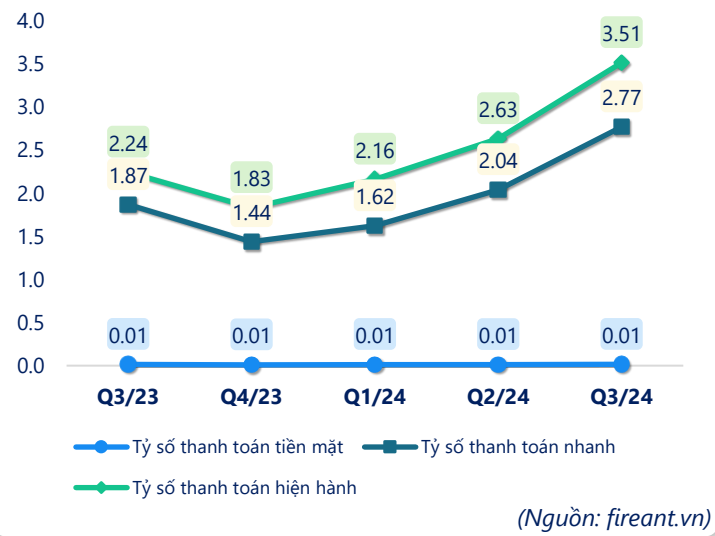
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



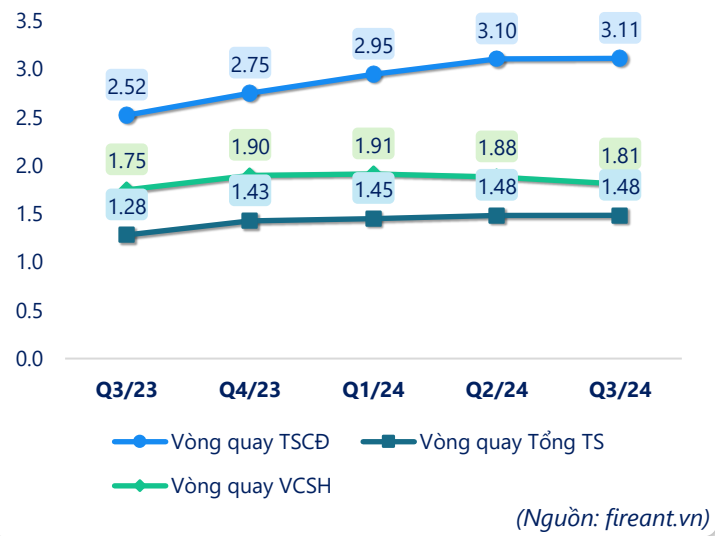
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**7,991**	**7,819**	**7,656**	**7,634**	**7,135**
Tài sản ngắn hạn	**3,765**	**3,844**	**3,832**	**3,963**	**3,570**
Tiền và tương đương tiền	23.5	18.5	22.8	17.8	14.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	20.0	5.00	5.00
Phải thu ngắn hạn	3,069	2,909	2,748	2,962	2,696
Hàng tồn kho	633	828	958	890	757
Tài sản ngắn hạn khác	39.2	68.4	83.2	87.9	98.6
Tài sản dài hạn	**4,226**	**3,975**	**3,824**	**3,671**	**3,565**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3,935	3,708	3,534	3,404	3,284
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	81.1	60.8	79.8	55.6	76.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dài hạn khác	210	206	209	211	203
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,687**	**2,106**	**1,780**	**1,514**	**1,024**
Nợ ngắn hạn	**1,678**	**2,098**	**1,772**	**1,506**	**1,016**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	809	404	413	396	45.0
Phải trả người bán ngắn hạn	743	1,052	914	902	844
Nợ dài hạn	9.50	7.99	7.92	7.86	7.79
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,304**	**5,713**	**5,875**	**6,120**	**6,111**
Vốn chủ sở hữu	**6,304**	**5,713**	**5,875**	**6,120**	**6,111**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)